

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 9 năm 2022
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.
- Thư ký phiên tòa: Bà Tường Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh M Sỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Đỗ Quang T**, sinh năm 1994. Nơi ĐKKHKT: thôn TH, xã HX, huyện UH, thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị D** - sinh năm 1995. Nguyên quán: xã XX, huyện MĐ, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: Thôn TH, xã HX, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Anh T, chị D đều có mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh **Đỗ Quang T** là nguyên đơn trình bày:

Anh và chị **Nguyễn Thị D** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HX năm 2015. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, phong cách, tập quán lối sống cũng khác nhau, luôn xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh

và chị D đã sống ly thân và không ai quan tâm đến ai khoảng 6 tháng nay. Nay anh nhận thấy anh không còn tình cảm với chị D và xin được ly hôn chị D.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Đỗ Quang M, sinh ngày 23/5/2016; Hiện nay cháu đang ở với anh chị tại nhà bố mẹ đẻ anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Hiện nay, anh đang làm phụ trách kỹ thuật tại Chung cư của Công ty CPĐT&PT Tân Hoàng Hà có trụ sở ở nội thành Hà Nội. Anh đi làm sáng đi tối về nhà. Thu nhập một tháng của anh là 17 triệu đồng/tháng. Anh đã nộp cho Tòa bản xác nhận thu nhập của anh và Hợp đồng lao động của anh. Còn chị D hiện đang làm công nhân may gần nhà, thu nhập không cao lắm. Cả hai vợ chồng anh đều có điều kiện nuôi con, chăm sóc con tốt hơn nhưng vì hiện nay con chung anh chị đã quen môi trường sống ở đây, quen môi trường học tập bạn bè ở đây nên anh nghĩ để cháu ở với anh tốt hơn. Còn nếu chị D sau khi ly hôn với anh thì không có nhà để ở, phải đi thuê, vì hiện tại bố mẹ và anh chị em chị D hầu hết đều ở trong miền Nam. Anh đề nghị xin được nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh chị không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải thêm giữa hai vợ chồng anh nữa vì anh cương quyết giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh cũng không còn chứng cứ tài liệu nào khác để giao nộp cho Tòa. Anh đề nghị Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị D là bị đơn trình bày: chị và anh Đỗ Quang T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HX năm 2015. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, phong cách, tập quán lối sống cũng khác nhau, luôn xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh T đã sống ly thân khoảng 6 tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị, quan điểm chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Đỗ Quang M, sinh ngày 23/5/2016; Hiện nay cháu đang ở với chị và bố mẹ chồng chị. Mẹ con chị vẫn sinh sống cùng nhà với bố mẹ chồng. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Anh T hiện đi làm ngoài nội thành Hà Nội, thỉnh thoảng mới về nhà. Còn chị đi làm công nhân may gần nhà. Thu nhập bình quân hàng tháng của chị là 8.000.000 đồng/tháng. Từ trước đến nay, con chung đều ở với chị và ông bà nội, học tập tại HX - UH – Hà Nội. Chị tha thiết được nuôi con chung, kính mong Tòa án chấp nhận cho chị. Giấy xác nhận thu nhập của chị, chị sẽ nộp bổ sung cho Tòa án sau.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải thêm giữa hai vợ chồng chị nữa vì chị cương quyết giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Ngoài giấy tờ xác nhận thu nhập của chị, chị sẽ nộp bổ sung cho Tòa án sau thì chị cũng không còn chứng cứ tài liệu nào khác để giao nộp cho Tòa. Chị đề nghị Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, anh T và chị D đều có mặt; anh T và chị D đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đều không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được do anh T và chị D đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con cho mình. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội D vụ án: đề nghị Tòa giải quyết ghi nhận chị D và anh T thuận tình ly hôn; giao con chung cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị D; anh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Quang T làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, tại phiên tòa anh T và chị D đều có mặt, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Đỗ Quang T và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HX ngày 05/12/2015 là hôn nhân

hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh T và chị D trình bày là bất đồng quan điểm, không thể tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng nên chị D và anh T đã sống ly thân 7 tháng nay. Anh T cương quyết xin được ly hôn với chị D; chị D đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D và anh T là căng thẳng, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T cương quyết xin ly hôn, chị D đồng ý nên xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T là phù hợp với quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị D có 01 con chung là Đỗ Quang M, sinh ngày 23/5/2016. Chị D và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, anh T và chị D đều xác nhận từ khi sinh ra cho đến nay cháu M đều ở cùng bố, mẹ và ông bà nội tại nhà ông bà nội ở thôn Thái Hoà, xã HX, huyện UH; Mặc dù, về điều kiện nuôi con, về công việc, về thu nhập của anh T và chị D đều có thể nuôi dưỡng được con chung. Tuy nhiên, căn cứ theo lời khai của anh T cũng như xác M tại chính quyền địa phương xã HX thì thấy, anh T và chị D ly thân đã lâu, gia đình nhà đẻ chị D hiện nay đã chuyển vào sinh sống trong miền Nam hết, chị D không có chỗ ở nào khác sau khi ly hôn với anh T, chính vì vậy trong thời gian vừa qua hai vợ chồng sống ly thân nhưng hai mẹ con chị D vẫn ở lại cùng nhà với bố mẹ chồng; bên cạnh đó, cháu M từ bé đến lớn đều ở nhà với ông bà nội tại xã HX nên cũng đã quen môi trường sống và học tập. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo môi trường sống đang ổn định cho cháu M, sau ly hôn cần giao con chung cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật; do anh T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị D cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi mới là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: anh T và chị D đều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: anh T phải nộp án phí, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ Điều 55, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: ghi nhận anh Đỗ Quang T và chị Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Đỗ Quang M, sinh ngày 23/5/2016. Sau ly hôn, giao anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Đỗ Quang M cho đến khi trưởng thành hoặc cho đến khi có yêu cầu mới hoặc có sự thay đổi khác; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị D cho đến khi có yêu cầu mới hoặc có sự thay đổi khác.

Sau ly hôn chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Đỗ Quang T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057511 ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hoà;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đơn vị sự nghiệp;
- Lưu hồ sơ; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện

